TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀLẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 417/2019/QĐST–HNGĐ	*Đà Lạt, ngày 14 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 220/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Đình Ph**, sinh năm 1973.

Đại chỉ: Số 423/11, đường T, Phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Bà **Vũ Thái H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 8/10, đường B, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Cả hai xác định tài sản chung sau ly hôn gồm có 01 căn nhà và quyền sử dụng đất diện tích khoảng 80m^2 tại thửa đất số 81 (gốc 1), tờ bản đồ số 21 (D94-I-C), tọa lạc tại số 8/10, đường B, Phường C, thành phố Đ (phần sở hữu chung

theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 282760 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp ngày 15/01/2016 đứng tên ông Trần Đình Ph, bà Vũ Thái H, ông Nguyễn Cảnh Ng, ông Lê Ngọc Th).

- Các bên thỏa thuận giao cho bà Vũ Thái H toàn quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt đối với tài sản là căn nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 80m^2 thuộc thửa số 81 (gốc 1), tờ bản đồ số 21 (D94-I-C), tọa lạc tại số 8/10, đường B, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 282760 ngày 15/01/2016 đứng tên ông Trần Đình Ph, bà Vũ Thái H, ông Nguyễn Cảnh Ng, ông Lê Ngọc Th.

- Bà Vũ Thái H trực tiếp liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng nhà đất theo quy định.

- Bà Vũ Thái H có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Đình Ph số tiền 993.068.500đ *(Chím trăm chín mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng).*

Kể từ ngày 15/10/2019 cho đến khi trả nợ xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về chi phí tố tụng:* Các bên thỏa thuận ông Trần Đình Ph, bà Vũ Thái H mỗi người chịu 7.600.000đ (*Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).* Do ông Trần Đình Ph đã tạm nộp số tiền 15.200.000đ *(Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng)* lệ phí tố tụng, nên bà Vũ Thái H có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trần Đình Ph số tiền là 7.600.000đ (*Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

- *Về án phí*: Ông Trần Đình Ph thỏa thuận chịu 20.896.027đ (*Hai mươi triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012072 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Trần Đình Ph còn phải nộp số tiền án phí là 3.896.027đ (*Ba triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*).

Bà Vũ Thái H thỏa thuận chịu 20.896.027đ (*Hai mươi triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp. Đ;
- Chi cục THADS Tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huyền